

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Tên gói thầu: Thi công xây dựng.

Dự án: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một.

Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Thủ Dầu Một.

Bình Dương, ngày 18 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Tên gói thầu: Thi công xây dựng.

Thuộc dự án: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một.

Kính gửi: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Thủ Dầu Một

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu và các căn cứ pháp lý

- Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Thủ Dầu Một;
- Tên dự án: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một;
- Tên gói thầu: Thi công xây dựng;
- Số KHLCNT: PL2600066444 thời điểm đăng tải ngày 23/03/2026;
- Số E-TBMT: IB2600127322 thời điểm đăng tải ngày 08/04/2026;
- Giá gói thầu: 3.740.618.554 đồng;
- Nguồn vốn: Cân đối nguồn kinh phí không tự chủ được giao trong dự toán năm 2025-2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (chương 831, khoản 280-283);
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I - II/2026;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước; qua mạng; Một giai đoạn một túi hồ sơ;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày;

- Tùy chọn mua thêm (nếu có): Không áp dụng.

- Các văn bản pháp lý liên quan:

+ Quyết định số 04/QĐ-KTHT&ĐT ngày 20/03/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Thủ Dầu Một về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một;

+ Quyết định số 14/QĐ-KTHT&ĐT ngày 07/04/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Thủ Dầu Một về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu: Thi công xây dựng thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một thuộc dự án: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được Công ty TNHH Hòa Phú Cửu Long thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-HPCL ngày 30/03/2026 để thực hiện lập E-HSMT gói thầu: Thi công xây dựng thuộc dự án: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một.

Căn cứ hợp đồng số 02/2026/HĐTV ngày 26/03/2026 giữa Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Thủ Dầu Một và Công ty TNHH Hòa Phú Cửu Long về việc thuê tư vấn lập E-HSMT gói thầu: Thi công xây dựng thuộc dự án: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một.

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Bảng số 01

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên
1	Đặng Cửu Công	Tổ trưởng	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT
2	Nguyễn Văn Thành	Thành viên	Thư ký

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Theo Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (đính kèm). Trường hợp khi có một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác thì tổ chuyên gia sẽ họp thống nhất quan điểm, nếu thành viên đó bảo lưu ý kiến của mình thì sẽ được nêu trong Mục IV Báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

1. Biên bản mở thầu

Tổ chuyên gia cung cấp thông tin về kết quả mở thầu theo **Bảng số 02** dưới đây

Bảng số 02

Stt	Tên nhà thầu	Giá gói thầu	Giá dự thầu	Giá trị giảm giá (nếu có)	Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)
1	Liên danh Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng	3.740.618.554 VND	3.709.297.571,76 VND	-	3.709.297.571,76 VND

2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ của E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 03** dưới đây:

Bảng số 03

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)
1	Liên danh Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng	Không đạt

b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSDT không hợp lệ:

Stt	Tên nhà thầu	Nội dung không hợp lệ
-----	--------------	-----------------------

1	Liên danh Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng	Thỏa thuận liên danh: + Thỏa thuận liên danh ngày 16/04/2026 (Mẫu số 03) bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại mục 25 E-CDNT của E-HSMT, cụ thể là Thỏa thuận liên danh ngày 16/04/2026 không phân chia 20% khối lượng công việc có Stt 14 trong Mẫu số 01A – Bảng kê hạng mục công việc cho bất kỳ nhà thầu nào trong liên danh đảm nhận, phân công thừa 20% khối lượng công việc có Stt 12 trong Mẫu số 01A – Bảng kê hạng mục công việc. + Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu của 02 nhà thầu trong Mẫu số 03 – Thỏa thuận liên danh không thống nhất với tỷ lệ % công việc thực tế do Tổ chuyên gia tính toán lại căn cứ vào nội dung công việc của từng nhà thầu tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03 và Mẫu số 11A – Bảng tổng hợp giá dự thầu, cụ thể như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên nhà thầu</th><th>Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu trong Mẫu số 03 Thỏa thuận liên danh</th><th>Tỷ lệ % công việc thực tế do Tổ chuyên gia tính toán lại căn cứ vào nội dung công việc của từng nhà thầu tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03 và Mẫu số 11A – Bảng tổng hợp giá dự thầu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thành viên liên danh thứ nhất</td><td>65%</td><td>66,24%</td></tr> <tr> <td>Thành viên liên danh thứ hai</td><td>35%</td><td>33,09%</td></tr> </tbody> </table>	Tên nhà thầu	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu trong Mẫu số 03 Thỏa thuận liên danh	Tỷ lệ % công việc thực tế do Tổ chuyên gia tính toán lại căn cứ vào nội dung công việc của từng nhà thầu tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03 và Mẫu số 11A – Bảng tổng hợp giá dự thầu	Thành viên liên danh thứ nhất	65%	66,24%	Thành viên liên danh thứ hai	35%	33,09%
Tên nhà thầu	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu trong Mẫu số 03 Thỏa thuận liên danh	Tỷ lệ % công việc thực tế do Tổ chuyên gia tính toán lại căn cứ vào nội dung công việc của từng nhà thầu tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03 và Mẫu số 11A – Bảng tổng hợp giá dự thầu									
Thành viên liên danh thứ nhất	65%	66,24%									
Thành viên liên danh thứ hai	35%	33,09%									

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có): Không có.

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Không có.

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật: Không có.

5. Kết quả đánh giá về tài chính: Không có.

6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 07** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 07

Stt	Nội dung	Nhà thầu
		Liên danh Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT	Không đạt
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm	Không đánh giá do E-HSDT không đáp ứng yêu cầu đánh giá tính hợp lệ
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật	-
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có)	-
5	Xếp hạng các E-HSDT	Không xếp hạng do không có nhà thầu nào vượt qua bước đánh giá về tài chính

7. Kết quả đánh giá chi tiết nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu đối với gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp gói thầu EC: Không có.

8. Thời gian đánh giá E-HSDT:

Thời gian đánh giá E-HSDT từ ngày 15 tháng 05 năm 2026 đến ngày 18 tháng 05 năm 2026.

9. Các nội dung lưu ý, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống trong quá trình đánh giá: Không có.

III. TRÌNH DUYỆT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu:

- Kết quả đánh giá các E-HSDT của gói thầu: Thi công xây dựng thuộc dự án: Nạo vét, gia cố, đắp bờ rạch Ông Thặng (nhánh sông Sài Gòn gần nhà máy xử lý nước thải), khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một như sau: **Không có E-HSDT nào đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT được duyệt.**

2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện

pháp xử lý: quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch.

3. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý: Không có.

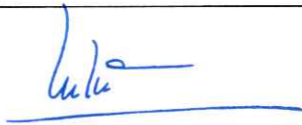
4. Đối chiếu tài liệu: Không có.

5. Thông tin nhà thầu xếp hạng thứ nhất: Không có.

Tổ chuyên gia kiến nghị Chủ đầu tư căn cứ các nội dung được tổ chuyên gia trình tại Mục III của báo cáo này để làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU: Không có.

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

Stt	Họ và tên	Chữ ký
1	Đặng Cửu Công	
2	Nguyễn Văn Thành	

Mẫu số 11A – Bảng tổng hợp giá dự thầu				Tổ chuyên gia tính toán lại căn cứ vào nội dung công việc của từng nhà thầu tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03 và Mẫu số 11A – Bảng tổng hợp giá dự thầu				
STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục	Thành viên liên danh thứ nhất		Thành viên liên danh thứ hai		Chênh lệch %khối lượng công việc tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03 và khối lượng công việc theo hạng mục
				Nội dung công việc của nhà thầu đảm nhận tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03	Giá theo các hạng mục	Nội dung công việc của nhà thầu đảm nhận tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03	Giá theo các hạng mục	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(% khối lượng cột 5)	(7)	(8)=(4)*(% khối lượng cột 7)	(9)=(% khối lượng cột 5 + % khối lượng cột 7) - 100%
1	Phát rừng tạo mặt bằng thủ công. Phát rừng loại I, mật độ cây tiêu chuẩn trên 100m2 rừng: 0 cây	100m2	27.816.510	- Phát rừng tạo mặt bằng thủ công. - Phát rừng loại I, mật độ cây tiêu chuẩn trên 100m2 rừng: 0 cây (100%)	27.816.510			0,00%
2	Đào xọc đất bằng thủ công, đất cấp I	m3	146.728.000	Đào xọc đất bằng thủ công, đất cấp I (100%)	146.728.000			0,00%
3	Vận chuyển đất bằng ôtô từ độ 7 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp I	100m3	8.803.680	Vận chuyển đất bằng ôtô từ độ 7 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp I (100%)	8.803.680			0,00%
4	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,85	100m3	94.062.500	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,85 (100%)	94.062.500			0,00%
5	Cung cấp đất cấp 2 đắp nền bờ bao	m3	862.229.550	Cung cấp đất cấp 2 đắp nền bờ bao (80%)	689.783.640	Cung cấp đất cấp 2 đắp nền bờ bao (20%)	172.445.910	0,00%
6	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95	100m3	17.047.200	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95 (100%)	17.047.200			0,00%
7	Cung cấp đất cấp 3 đắp mặt bờ bao	m3	158.084.360	Cung cấp đất cấp 3 đắp mặt bờ bao (80%)	126.467.488	Cung cấp đất cấp 3 đắp mặt bờ bao (20%)	31.616.872	0,00%
8	Bóc xếp vật liệu rời lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công – đất	m3	256.229.120	Bóc xếp vật liệu rời lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công – đất (80%)	204.983.296	Bóc xếp vật liệu rời lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công – đất (20%)	51.245.824	0,00%
9	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm – Đất các loại	m3	384.343.680	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm – Đất các loại (80%)	307.474.944	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khởi điểm – Đất các loại (20%)	76.868.736	0,00%
10	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 60m tiếp theo – Đất các loại	m3	461.212.416	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 60m tiếp theo – Đất các loại (80%)	368.969.933	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 60m tiếp theo – Đất các loại (20%)	92.242.483	0,00%
11	Đóng cọc trầm f 8-10 cm bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc > 2,5m, đất cấp I	100m	410.670.000	Đóng cọc trầm f 8-10 cm bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc > 2,5m, đất cấp I (60%)	246.402.000	Đóng cọc trầm f 8-10 cm bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc > 2,5m, đất cấp I (40%)	164.268.000	0,00%
12	Cung cấp cử gồng (cử trầm phía vườn)	m	6.270.000	Cung cấp cử gồng (cử trầm phía vườn) (100%)	6.270.000	Cung cấp cử gồng (cử trầm phía vườn) (20%)	1.254.000	0,00%
13	Đóng cử dũa bằng máy, đất cấp I	100m	513.040.000			Đóng cử dũa bằng máy, đất cấp I (100%)	513.040.000	20,00%
14	Cung cấp cử gồng (cử dũa phía sông)	m	130.800.000	Cung cấp cử gồng (cử dũa phía sông) (80%)	104.640.000			0,00%
15	Cung cấp phiên tre	m2	134.640.000	Cung cấp phiên tre (80%)	107.712.000	Cung cấp phiên tre (20%)	26.928.000	-20,00%
16	Cung cấp thép buộc (D3 và D6)	kg	17.888.334			Cung cấp thép buộc (D3 và D6) (100%)	17.888.334	0,00%
17	Đào kênh mương, chiều rộng <= 6m, máy đào 0,4m3, đất cấp I	100m3	11.924.080			Đào kênh mương, chiều rộng <= 6m, máy đào 0,4m3, đất cấp I (100%)	11.924.080	0,00%

18	Đào đất móng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp I	m3	26.956.800				Đào đất móng bằng thủ công, rộng <= 3m, sâu <= 1m, đất cấp I (100%)	26.956.800	0,00%
19	Vận chuyển đất bằng ôtô từ chỗ đổ 7 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp I	100m3	10.220.640				Vận chuyển đất bằng ôtô từ chỗ đổ 7 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp I (100%)	10.220.640	0,00%
20	Đóng cọc gỗ (hoặc cọc tràm) D8-10 cm bằng thủ công, chiều dài cọc > 2,5m vào đất cấp I	100m	8.580.000				Đóng cọc gỗ (hoặc cọc tràm) D8-10 cm bằng thủ công, chiều dài cọc > 2,5m vào đất cấp I (100%)	8.580.000	0,00%
21	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp nổi màng keo, đoạn ống dài 5m, đường kính ống 300mm	100m	17.100.000				Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp nổi màng keo, đoạn ống dài 5m, đường kính ống 300mm (100%)	17.100.000	0,00%
22	Sản xuất cửa van phẳng	tấn	1.134.000				Sản xuất cửa van phẳng (100%)	1.134.000	0,00%
23	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	48.972				Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ (100%)	48.972	0,00%
24	Cung cấp củ tràm gong	m	1.782.000				Cung cấp củ tràm gong (100%)	1.782.000	0,00%
25	Cung cấp thép buộc củ gong	kg	769.230				Cung cấp thép buộc củ gong (100%)	769.230	0,00%
26	Cung cấp lắp đặt bu lông M12x150	cái	120.000				Cung cấp lắp đặt bu lông M12x150 (100%)	120.000	0,00%
27	Cung cấp lắp đặt bu lông M10x20	cái	240.000				Cung cấp lắp đặt bu lông M10x20 (100%)	240.000	0,00%
28	Cung cấp và lắp đặt tấm cao su dày 5mm	m2	556.500				Cung cấp và lắp đặt tấm cao su dày 5mm (100%)	556.500	0,00%
Tổng cộng:			3.709.297.572			2.457.161.191		1.227.230.381	
			(I)			(II)		(III)	
Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu trong Mẫu số 03 Thỏa thuận liên danh				65%			35%		
Tỷ lệ % công việc thực tế do Tổ chuyên gia tính toán lại căn cứ vào nội dung công việc của từng nhà thầu tại Khoản 2 Điều 2 của Mẫu số 03 và Mẫu số 11A – Bảng tổng hợp giá dự thầu				66,24%			33,09%		
				A=(II)/(I)*100%			B=(III)/(I)*100%		